

| STT | MÃ SINH VIÊN | HỌ VÀ TÊN      | LỚP MÔN HỌC | LỚP SINH HOẠT | ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP |    |     |    |    |    |    |    |     |     | ĐIỂM T. KẾT  |       | GHI CHÚ |
|-----|--------------|----------------|-------------|---------------|-------------------------------|----|-----|----|----|----|----|----|-----|-----|--------------|-------|---------|
|     |              |                |             |               | A                             | P  | Q   | H  | L  | M  | I  | G  | F   | SỐ  | CHỮ          |       |         |
|     |              |                |             |               | 15%                           | 0% | 30% | 0% | 0% | 0% | 0% | 0% | 55% |     |              |       |         |
| 1   | 162233503    | Lưu Văn Hùng   | ARC 446 A   | K16KTR3       | 5                             |    | 5.5 |    |    |    |    |    | 5   | 5.2 | Năm Phẩy Hai |       |         |
| 2   | 162233499    | Nguyễn Duy Hợp | ARC 446 C   | K16KTR2       | 7                             |    | 6   |    |    |    |    |    | 5   | 5.6 | Năm Phẩy Sáu |       |         |
| 3   | 162233589    | Vũ Đức Thành   | ARC 446 E   | K16KTR3       | 2                             |    | 2   |    |    |    |    |    | 7.5 | 5.0 | Năm          |       |         |
| 4   | 162233485    | Trần Minh Hiền | ARC 446 M   | K16KTR3       | 2                             |    | 0   |    |    |    |    |    | V   | 0.0 | Không        | Nợ HP |         |

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

| STT         | NỘI DUNG THỐNG KÊ  | SỐ LƯỢNG | TỶ LỆ (%) | GHI CHÚ |
|-------------|--------------------|----------|-----------|---------|
| 1           | Số sinh viên đạt : | 3        | 75%       |         |
| 2           | Số sinh viên nợ :  | 1        | 25%       |         |
| TỔNG CỘNG : |                    | 4        | 100%      |         |

NGƯỜI LẬP

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 12 năm 2016  
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH

Võ Quốc Toàn

ThS. Nguyễn Ân